

Bản án số: 04/2024/HS-ST

Ngày: 04 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Châu

Thẩm phán: Bà Đoàn Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Hải

2. Ông Lê Hoàng Hải

3. Ông Trần Ngọc Thực

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Lê Trọng Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 964/2023/TLST-HS ngày 23/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5959/2023/QĐXXST-HS ngày 15/12/2023 đối với bị cáo:

Cao Thanh N; giới tính: Nam; sinh ngày: 25/01/1982; tại tỉnh L; nơi đăng ký thường trú: đường D, phường A, quận B, Thành phố H; nơi tạm trú: đường H, phường A, quận B, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tổng giám đốc Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư T; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Cao Văn N1 và bà Nguyễn Thị D; có vợ và có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 28/7/2023; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Cao Thanh N:

Luật sư Vũ Quốc Toàn - Công ty Luật TNHH MTV Thiên Quý thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH thương mại xây dựng G

Địa chỉ: đường N, phường E, quận C, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trương Thị V, chức vụ: Giám đốc; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư T.

Địa chỉ: đường H, phường C, quận P, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Cao Thanh N, chức vụ: Tổng giám đốc - Bị cáo trong vụ án.

2. Bà Cao Thị Thanh N2, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: đường D, phường A, quận B, Thành phố H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Trần Thị H, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: đường H, phường A, quận B, Thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư T (sau đây viết tắt là Công ty T) mã số doanh nghiệp 0315943784, người đại diện theo pháp luật là Cao Thanh N; chức danh: Tổng Giám đốc, trụ sở: đường H, phường C, quận P, Thành phố H; cổ đông sáng lập gồm: Cao Thanh N, Cao Thị Thanh N2, Trần Thị H; ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chính); hoàn thiện công trình xây dựng, xây dựng công trình,...

Ngày 09/11/2020, Cao Thanh N - Tổng Giám đốc Công ty T và bà Trương Thị V - Giám đốc Công ty TNHH thương mại xây dựng G (sau đây viết tắt là Công ty G) ký Hợp đồng thi công xây lắp số 0901/HĐTC/TVQ-GOLD (sau đây viết tắt là Hợp đồng 0901) về việc Công ty T giao Công ty G thi công 50 căn trong dự án khu tái định cư và nhà ở xã hội HS (sau đây viết tắt là dự án HS) tại thị xã P, tỉnh B. Theo nội dung hợp đồng, Công ty G phải thực hiện ký quỹ cho Công ty T 1.057.166.600 đồng (5% giá trị hợp đồng); sau đó, Công ty T sẽ tiến hành thủ tục tạm ứng 4.228.666.400 đồng (20% giá trị hợp đồng). Đồng thời, ngày 14/11/2020, Công ty T có công văn về việc thực hiện thanh toán tạm ứng và ký quỹ, theo đó, khi Công ty G thực hiện xong lệnh chuyển khoản ký quỹ qua tài khoản ngân hàng thì Công ty T thực hiện ngay việc phát hành chứng thư bảo lãnh cam kết không sử dụng số tiền ký quỹ của Công ty G bằng hình thức tạm ngưng tài khoản của Công ty T. Tài khoản sẽ được sử dụng trở lại khi Công ty T thực hiện xong việc thanh toán tạm ứng cho Công ty G vào ngày 23/11/2020.

Thực hiện hợp đồng, ngày 16/11/2020, Công ty G chuyển tiền vào tài khoản của Công ty T 1.057.166.600 đồng. Trong thời gian chờ Công ty T bàn giao công trình, Công ty G xác minh không có dự án HS. Bà Trương Thị V đã làm việc với Cao Thanh N, Cao Thanh N xác nhận Công ty T không có công trình trên và cam kết thanh toán lại cho bà Trương Thị V số tiền ký quỹ thời hạn đến ngày 08/4/2021. Đến ngày 07/5/2021, Cao Thanh N chỉ trả Công ty G số tiền 57.000.000 đồng và không tiếp tục thực hiện việc hoàn lại tiền.

Quá trình điều tra xác định: Dự án HS do Công ty cổ phần Thiết kế kỹ thuật xây dựng HN (sau đây viết tắt là Công ty HN) là đơn vị lên bản vẽ thi công. Tháng

4/2015, ông Trần Đình T, đại diện theo pháp luật của công ty chết nên bà Trần Thị Bích L (con gái ông Trần Đình T) làm đại diện pháp luật. Việc lên bản vẽ thiết kế thi công cho dự án HS năm 2015 được ông Trần Đình T ký tại thời điểm là người đại diện pháp luật nên bà Trần Thị Bích L không nắm được các nội dung liên quan.

Tháng 9/2020, ông Nguyễn Trường N3 - Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và Môi trường H.A (Công ty H.A) ký Hợp đồng nguyên tắc số 09/2020/HĐNT/HA-AS với ông Nguyễn Hữu X - Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư xây dựng và Phát triển thương mại A.S (Công ty A.S) về việc thi công dự án HS. Sau đó, ông Nguyễn Hữu X ký hợp đồng thi công với ông Quách Văn T1 - Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Q (Công ty Q). Ngày 27/10/2020, ông Quách Văn T1 ký Hợp đồng giao khoán thi công số 2710/2020/HĐKV/CNQP-TVQ với Cao Thanh N. Hợp đồng giao khoán thi công giữa Công ty Q và Công ty T quy định Công ty T không được chuyển nhượng toàn bộ hợp đồng cho đơn vị, cá nhân khác. Sau khi ký kết hợp đồng trên, Quách Văn T1 xác định dự án trên không thi công được nên đã điện thoại trao đổi với Cao Thanh N thống nhất hủy hợp đồng. Quá trình làm việc với Công ty Q, Cao Thanh N không chuyển tiền và không nhận khoản tiền nào từ Quách Văn T1.

Mặc dù là đơn vị thi công, quá trình ký kết hợp đồng với Công ty G, Cao Thanh N không biết dự án trên ở đâu, dự án có thật hay không, chưa làm việc với đại diện Công ty A.S và không biết Công ty A.S có phải là chủ đầu tư hay không. Sau khi nhận số tiền ký quỹ của Công ty G, Cao Thanh N rút ra sử dụng trả tiền mặt bằng thuê văn phòng, tiền điện và sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Việc sử dụng tài khoản của Công ty T chỉ một mình Cao Thanh N được sử dụng để giao dịch và nhận tiền.

Kết quả xác minh: Tại Ngân hàng Thương mại và cổ phần Á Châu (Ngân hàng ACB): Công ty T đăng ký tài khoản số: 1177808 và đăng ký thuê bao di động chuyển tiền qua ACB online là: 0981391177; chủ tài khoản là Cao Thanh N, không đăng ký chữ ký của Kế toán trưởng. Ngày 16/11/2020, tài khoản trên nhận 1.057.166.600 đồng từ tài khoản số 0191004595058 của Công ty G để ký quỹ Hợp đồng số 0901. Sau đó, từ ngày 16/11/2020 đến ngày 25/11/2020, số tiền trên đã được chuyển vào tài khoản khác với nội dung “TAM UNG PHI VP”, “UNG PHI THUE VP”, “UNG TIEN DIEN”, “CK NHAP QUY”, “NHAP QUY TM”,...

- Tại Ngân hàng An Bình, Phòng Giao dịch Đông Bến Thành: Ngày 16/11/2020, Công ty G chuyển 1.057.166.600 đồng để ký quỹ Hợp đồng số 0901. Ngày 07/5/2023, tài khoản của Công ty G nhận 57.000.000 đồng do Công ty T hoàn trả tiền hợp đồng.

- Tại Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh B: Trên địa bàn thị xã P, tỉnh B không có dự án khu tái định cư và nhà ở xã hội HS và Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh B không nhận được thông tin và hồ sơ liên quan đến dự án có tên nêu trên.

- Xác minh Sở Xây dựng tỉnh B: Chưa tiếp nhận xử lý các hồ sơ, thủ tục liên quan đến dự án khu tái định cư và nhà ở xã hội HS tại thị xã P, tỉnh B.

Kết quả giám định chữ ký, chữ viết: Tại Kết luận giám định số 2758/KL-KTHS ngày 23/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Mẫu cần giám định là Hợp đồng thi công xây lắp số 0901/HĐTC/TVQ-GOLD

ngày 09/11/2020 có chữ viết, chữ ký của Cao Thanh N; công văn về việc thực hiện thanh toán tạm ứng và ký quỹ ngày 14/11/2020 có chữ viết, chữ ký của Cao Thanh N và mẫu so sánh là Bản tường trình, Biên bản ghi lời khai của Cao Thanh N do cùng một người viết và ký ra.

Tại cơ quan điều tra, Cao Thanh N khai: Cao Thanh N ký hợp đồng với bà Trương Thị V dựa trên Hợp đồng giao khoán thi công số 2710/2020/HĐKV/CNQP-TVQ ngày 27/10/2020 đã ký kết với Công ty Q do ông Quách Văn T1 làm Giám đốc, về việc giao cho Công ty T thi công 50 căn trong dự án HS với tổng giá trị 25.500.000.000 đồng do Công ty A.S là đơn vị thi công. Quá trình làm việc với Công ty Q, Cao Thanh N không chuyển tiền và không nhận khoản tiền nào từ ông Quách Văn T1. Tuy nhiên, mặc dù là đơn vị thi công nhưng Cao Thanh N không biết dự án trên ở đâu, dự án có thật hay không, chưa làm việc với đại diện Công ty A.S và không biết Công ty A.S có phải là chủ đầu tư hay không Cao Thanh N vẫn ký hợp đồng với bà Trương Thị V và yêu cầu Công ty G chuyển tiền ký quỹ. Sau khi nhận số tiền ký quỹ của Công ty G, Cao Thanh N rút ra sử dụng trả tiền mặt bằng thuê văn phòng, trả tiền điện và sử dụng tiêu xài cá nhân hết, chứ không sử dụng mục đích liên quan đến việc vận hành dự án. Việc sử dụng tài khoản trên chỉ một mình Cao Thanh N được sử dụng để giao dịch và nhận tiền. Đối với số tiền 100.000.000 đồng Cao Thanh N chuyển từ tài khoản của Công ty T đến tài khoản của Cao Thị Thanh N2 ngày 18/11/2020 là do Cao Thanh N nhờ Cao Thị Thanh N2 rút tiền mặt, sau đó đưa tiền lại cho Cao Thanh N. Cao Thanh N không nói cho Cao Thị Thanh N2 về nguồn gốc số tiền và mục đích sử dụng số tiền trên. Đối với việc ký hợp đồng giao khoán thi công với Công ty Q, sau khi ký kết, Cao Thanh N không thấy triển khai thi công nên đã liên lạc với ông Quách Văn T1, Giám đốc Công ty Q để hỏi tiến độ thì ông Quách Văn T1 nói khi nào triển khai sẽ báo. Sau đó, Cao Thanh N không liên lạc được với ông Quách Văn T1 nên tự hiểu là dự án không thực hiện được. Công ty Q và Công ty T không làm thủ tục hủy hợp đồng.

- Bà Trương Thị V khai: Quá trình làm việc và ký hợp đồng số 0901, Cao Thanh N cam đoan có dự án, tuy nhiên không cung cấp bất cứ thông tin tài liệu nào liên quan đến dự án. Đến ngày 07/5/2021, Cao Thanh N đã trả lại cho Công ty G 57.000.000 đồng. Ngày 10/10/2023, bà Trương Thị V đã nhận được số tiền 1.000.166.600 đồng theo Quyết định xử lý vật chứng số 516-16/QĐ-PC03 ngày 05/8/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Quách Văn T1 khai: Thực hiện ký Hợp đồng giao khoán thi công số 2710/2020/HĐKV/CNQP-TVQ ngày 27/10/2020 với Cao Thanh N dựa trên hợp đồng ký kết với Công ty A.S do ông Nguyễn Hữu X làm Chủ tịch hội đồng quản trị giao Công ty Q thi công xây dựng 50 căn trong dự án HS. Tuy nhiên, quá trình ký kết hợp đồng với ông Nguyễn Hữu X, ông không có hồ sơ pháp lý của dự án và không biết dự án trên có thật hay không. Sau khi ký kết hợp đồng trên, ông xác định dự án trên không thực hiện được nên đã điện thoại trao đổi với Cao Thanh N thống nhất hủy hợp đồng. Ông Quách Văn T1 không biết Công ty G do bà Trương Thị V làm Giám đốc và cũng không nhận một khoản tiền nào từ Công ty G hay Cao Thanh N.

Ông Nguyễn Hữu X, ông Nguyễn Trường N3 và bà Trần Thị Bích L khai phù hợp với kết quả điều tra.

Bà Cao Thị Thanh N2 là em ruột và bà Trần Thị H là vợ bị cáo Cao Thanh N khai: Chỉ là người đứng danh nghĩa đồng sáng lập, thực tế toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty do Cao Thanh N điều hành; Cao Thị Thanh N2 và Trần Thị H không nắm được nội dung cũng như không biết việc kinh doanh, lợi nhuận của Công ty. Cao Thị Thanh N2 và Trần Thị H không biết việc Công ty T ký kết hợp đồng và nhận tiền ký quỹ của Công ty G thực hiện dự án HS nên không có căn cứ để xử lý về hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 632/CT-VKS-P3 ngày 21/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Cao Thanh N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Cao Thanh N từ 07 năm tù đến 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Người bào chữa cho bị cáo Cao Thanh N trình bày: Luật sư đồng ý với quan điểm truy tố theo Cáo trạng của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình là sai. Quá trình kinh doanh do tình hình dịch Covid, khó khăn trong việc kinh doanh bị cáo đã sử dụng sai mục đích số tiền do Công ty G chuyển vào. Hiện nay, bị cáo và gia đình đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Công ty G và phía bị hại cũng không có ý kiến gì. Bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả, không có tiền án, tiền sự, bị cáo là lao động chính phải nuôi cha mẹ già và con nhỏ, cha bị cáo có thành tích chiến đấu tại chiến trường K - Campuchia, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xem xét áp dụng cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất có thể để bị cáo sớm trở về chăm sóc gia đình, trở thành người tốt cho xã hội.

Bị cáo đồng ý với lời bào chữa của Luật sư, không trình bày bào chữa bổ sung và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Kiểm sát viên đối đáp: Đối với quan điểm về tội danh của Luật sư, Luật sư đã đồng ý với quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nên không tranh luận. Đối với tình tiết giảm nhẹ Luật sư trình bày là bị cáo có cha tham gia chiến trường Campuchia, bị cáo là lao động chính phải nuôi cha mẹ già và con nhỏ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm cho bị cáo.

Luật sư và Kiểm sát viên bảo lưu ý kiến đã trình bày trước phiên tòa, không tranh luận bổ sung.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo đã ăn năn, hối cải về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ

Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo Cao Thanh N tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Cao Thanh N là Tổng Giám đốc Công ty T, là đơn vị thi công theo Hợp đồng giao khoán thi công với Công ty Q nhưng Cao Thanh N không biết chủ đầu tư là ai, không biết dự án có thật hay không và không có hồ sơ pháp lý hay vị trí của dự án HS. Hợp đồng giao khoán thi công giữa Công ty Q và Công ty T quy định Công ty T không được chuyển nhượng toàn bộ hợp đồng cho đơn vị, cá nhân khác nhưng Cao Thanh N vẫn ký Hợp đồng thi công xây lắp với Công ty G, nhận số tiền ký quỹ là 1.057.166.600 đồng và không thực hiện việc tạm ngưng tài khoản như thỏa thuận. Sau đó, Cao Thanh N sử dụng số tiền trên vào mục đích cá nhân ngay sau khi nhận được tiền. Sau khi biết dự án không thi công được, Cao Thanh N không trả lại tiền cho Công ty G. Khi Công ty G yêu cầu hoàn trả lại tiền, Cao Thanh N chỉ trả số tiền 57.000.000 đồng. Do đó, Cao Thanh N phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đối với số tiền chiếm đoạt là 1.000.166.600 đồng.

Bị cáo đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối, không đúng sự thật chiếm đoạt của bị hại số tiền số tiền 1.000.166.600 đồng. Hành vi của Cao Thanh N đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp “chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật để răn đe và phòng ngừa chung. Do đó, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Cao Thanh N theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền 1.000.166.600 đồng đã chiếm đoạt, là lao động chính, có cha là Cựu chiến binh tham gia chiến trường Capuchia và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự xét xử dưới khung hình phạt đối với bị cáo Cao Thanh N.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ số tiền 1.000.166.600 đồng và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Cao Thanh N**: 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày 28/7/2023.

Bị cáo Cao Thanh N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Phòng PV03 - Công an TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Đương sự; (4)
- Trại giam; (1)
- Cục THA Dân sự TP.HCM; (1)
- THA Hình sự; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (25) (9)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Châu